

**QUYẾT ĐỊNH
GIẢI QUYẾT VIỆC KHÁNG CÁO ĐỐI VỚI
QUYẾT ĐỊNH ĐÌNH CHỈ GIẢI QUYẾT VỤ ÁN**

TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Với Hội đồng phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên họp: Bà Trần Thị Thúy Hồng.

Các Thẩm phán:

Ông Lê Hoàng Tấn.

Ông Chung Văn Kết.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên họp: Ông Nguyễn Văn Phụng – Kiểm sát viên cao cấp.

Tại Quyết định đình chỉ giải quyết vụ án hành chính sơ thẩm số: 221/2021/QĐST-HC ngày 22/02/2021 của Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh đã căn cứ khoản 1, điểm a khoản 2 Điều 104 của Luật tổ tụng hành chính năm 2010 và Điều 2 Nghị quyết số 104/2015/QH13 Ngày 25/11/2015 của Quốc Hội về việc thi hành Luật tổ tụng hành chính năm 2015.

I. Đình chỉ giải quyết vụ án hành chính về “*Khiếu kiện hành vi hành chính trong lĩnh vực quản lý đất đai*” giữa các đương sự:

1. Người khởi kiện: Bà Phạm Thị L, sinh năm 1953.

Địa chỉ: Số 312 đường Đ, phường X, quận B, Thành phố Hồ Chí Minh.

2. Người bị kiện: Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố H.

Địa chỉ: Số 86 đường L, phường N, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh.

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

3.1. Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận B, Thành phố Hồ Chí Minh.

3.2. Ủy ban nhân dân quận B, Thành phố Hồ Chí Minh.

Địa chỉ: Số 06 đường P, Phường Y, quận B, Thành phố Hồ Chí Minh.

II. Hậu quả của việc đình chỉ giải quyết vụ án: Hoàn trả cho bà Phạm Thị L số tiền nộp tạm ứng án phí.

Ngày 22/3/2021 bà Phạm Thị L kháng cáo yêu cầu hủy quyết định đình chỉ giải quyết vụ án hành chính sơ thẩm số: 221/2021/QĐST-HC ngày 22/02/2021 của Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh đồng thời xác định đơn khởi kiện của bà L ngày 26/02/2016 là còn trong thời hạn khởi kiện để khởi kiện Quyết định 3294/QĐ-UB ngày 13/8/2003 của Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh.

XÉT THẤY:

[1] Ngày 26/12/2001 Ủy ban nhân dân quận B ban hành Quyết định số 2812/QĐ-UB về việc giải quyết tranh chấp đất giữa bà L và ông T đã quyết định bà L và ông T không được quyền sử dụng diện tích 40m² đất tại số 310 Đ, phường X, quận B, Thành phố Hồ Chí Minh. Giao cho Ủy ban nhân dân Phường X và Phòng Quản lý đô thị quản lý và tạm thời sử dụng làm Trạm dân phòng khu phố 2, Phường X.

Bà L khiếu nại, ngày 04/4/2002 Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận B ban hành Quyết định số 835/QĐ-UB Ngày 04/4/2002 không chấp nhận khiếu nại của bà L, giữ nguyên Quyết định số 2812/QĐ-UB ngày 26/12/2001 của Ủy ban nhân dân quận B về việc giải quyết tranh chấp đất giữa bà L và ông T.

Bà L khiếu nại, ngày 13/8/2003 Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố H ban hành Quyết định số 3294/QĐ-UB về việc giải quyết khiếu nại của bà L, Công nhận Quyết định số 835/QĐ-UB Ngày 04/4/2002 của Ủy ban nhân dân quận B, không công nhận quyền sử dụng diện tích 40m² đất tại số 310 Đ, phường X, quận B, Thành phố Hồ Chí Minh cho ông T hoặc bà L.

Ngày 21/10/2004, Ủy ban nhân dân quận B đã tiến hành cưỡng chế đối với bà Phạm Thị L, thực hiện Quyết định số 3294/QĐ-UB của Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố H để thu hồi diện 30m² đất phía sau nhà số 310 Điện Biên Phủ, Phường X và giao cho Ủy ban nhân dân Phường X quản lý.

Bà L khiếu nại, ngày 31/5/2007 Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh ban hành Công văn số 3238/UBND-PCNC về việc trả lời đơn khiếu nại của bà L.

[2] Ngày 28/6/2012 bà Phạm Thị L khởi kiện vụ án hành chính yêu cầu hủy Quyết định 3294/QĐ-UB Ngày 13/8/2003 của Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh.

Ngày 23/7/2012 Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh ban hành Thông báo số 1860/TATP-VP trả lại đơn khởi kiện cho bà L với lý do: Thời hiệu khởi kiện đã hết.

Ngày 30/9/2013 Chánh án Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh ban hành Quyết định 395/2013/QĐ-TATP không chấp nhận khiếu nại của bà L, giữ nguyên Thông báo số 1860/TATP-VP trả lại đơn khởi kiện cho bà L.

Ngày 07/4/2015 Tòa án nhân dân Tối cao ban hành Công văn số 140/TANDTC-HC không xem xét đơn khiếu nại của bà L đối với Quyết định 395/2013/QĐ-TATP của Chánh án Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh. Tuy nhiên căn cứ Nghị quyết số 01/2015/NQ-HĐTP Ngày 15/01/2015 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao đã sửa đổi bổ sung một số điều của Nghị quyết số 02/2011 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao hướng dẫn thi hành một số quy định của Luật tố tụng hành chính, trả lời để bà Lê biết để thực hiện quyền khởi kiện của bà.

Ngày 26/02/2016 bà Phạm Thị L khởi kiện vụ án hành chính yêu cầu hủy Quyết định 3294/QĐ-UB Ngày 13/8/2003 của Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ

Chí Minh và Công văn số 3238/UBND-PCNC Ngày 31/5/2007 của Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh, buộc Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh giao trả lại cho bà L diện tích 40m² đất trong khuôn viên nhà số 312 của bà L tại địa chỉ Số 312 đường Đ, phường X, quận B, Thành phố Hồ Chí Minh.

Ngày 11/3/2016, Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh ban hành Thông báo số 98/TATP-VP trả lại đơn khởi kiện cho bà L với lý do: Công văn số 3238/UBND-PCNC ngày 31/5/2007 của Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh không phải là đối tượng khởi kiện và Quyết định 3294/QĐ-UB ngày 13/8/2003 của Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh đã hết thời hiệu khởi kiện.

Ngày 23/6/2016 Chánh án Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh ban hành Quyết định 181/2016/QĐ-TATP không chấp nhận khiếu nại của bà L, giữ nguyên Thông báo số 98/TATP-VP trả lại đơn khởi kiện cho bà L.

Ngày 22/9/2016 Chánh án Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh ban hành Quyết định số 192/2016/QĐ-GĐKT1 chấp nhận một phần khiếu nại của bà L: Yêu cầu Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh nhận đơn khởi kiện và các tài liệu có liên quan đối với yêu cầu khởi kiện Quyết định 3294/QĐ-UB ngày 13/8/2003 của Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh để tiến hành thụ lý vụ án theo quy định.

Căn cứ Quyết định số 192/2016/QĐ-GĐKT1 ngày 22/9/2016 của Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 22/11/2016 bà Phạm Thị L gửi đơn yêu cầu khởi kiện bổ sung và yêu cầu Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh hủy Quyết định 3294/QĐ-UB Ngày 13/8/2003 của Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh về việc giải quyết khiếu nại của bà Phạm Thị L, Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh ban hành thông báo thụ lý vụ án ngày 12/12/2016 (BL số 27).

[3] Xét bà Phạm Thị L nộp đơn khởi kiện quyết định hành chính vào ngày 28/6/2012. Do đó áp dụng Luật tổ tụng hành chính năm 2010 để giải quyết. Theo quy định tại điểm a khoản 2 Điều 104 Luật tổ tụng hành chính năm 2010 quy định thời hiệu khởi kiện là 01 năm, kể từ ngày nhận được hoặc biết được quyết định hành chính, hành vi hành chính.

Tuy nhiên, tại Điều 3 Nghị quyết số 56/2010/QH12 ngày 24/11/2010 của Quốc hội về việc thi hành Luật tổ tụng hành chính năm 2010 quy định như sau: Trong thời hạn 01 năm kể từ ngày Luật tổ tụng hành chính có hiệu lực (01/7/2011), người khiếu nại đã thực hiện việc khiếu nại quyết định hành chính, hành vi hành chính về quản lý đất đai đến Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện, quận, thị xã, thành phố thuộc tỉnh, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương từ ngày 01 tháng 6 năm 2006 đến ngày Luật này có hiệu lực, nếu khiếu nại không được giải quyết hoặc đã được giải quyết nhưng người khiếu nại không đồng ý với quyết định giải quyết khiếu nại thì có quyền khởi kiện tại Tòa án nhân dân theo quy định của Luật tổ tụng hành chính.

Tại khoản 3 Điều 4 Nghị quyết số 01/2011/NQ-HĐTP ngày 29/7/2011 của

Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao hướng dẫn: Khi thụ lý giải quyết các khiếu kiện theo quy định tại Điều 3 Nghị quyết số 56/2010/QH12 ngày 24/11/2010 của Quốc hội về việc thi hành Luật tổ tụng hành chính và được hướng dẫn tại khoản 1 Điều này, ngoài việc yêu cầu đương sự cung cấp chứng cứ theo quy định tại Điều 72 của Luật tổ tụng hành chính thì phải yêu cầu người khởi kiện cung cấp các tài liệu, chứng cứ chứng minh cho việc họ đã thực hiện việc khiếu nại đến Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện, quận, thị xã, thành phố thuộc tỉnh, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương từ ngày 01/6/2006 đến ngày Luật tổ tụng hành chính có hiệu lực. Trường hợp người khởi kiện không thể cung cấp được tài liệu, chứng cứ chứng minh cho việc họ đã thực hiện việc khiếu nại thì Tòa án yêu cầu cơ quan có thẩm quyền giải quyết khiếu nại cung cấp tài liệu, chứng cứ về việc người khởi kiện đã thực hiện việc khiếu nại và hồ sơ giải quyết khiếu nại (nếu có). Trường hợp cơ quan có thẩm quyền giải quyết khiếu nại thông báo là người khởi kiện chưa thực hiện việc khiếu nại thì Tòa án không thụ lý giải quyết.

Đối chiếu với quy định trên, xét thấy Tòa án cấp sơ thẩm chưa yêu cầu người khởi kiện cung cấp tài liệu, chứng cứ chứng minh cho việc họ đã thực hiện việc khiếu nại từ ngày 01/6/2006 đến ngày Luật tổ tụng hành chính có hiệu lực (01/7/2011). Nhưng Tòa án cấp sơ thẩm ra quyết định đình chỉ giải quyết vụ án do hết thời hiệu khởi kiện theo quy định tại khoản 1, điểm a khoản 2 Điều 104 của Luật tổ tụng hành chính năm 2010 và Điều 2 Nghị quyết số 104/2015/QH13 ngày 25/11/2015 của Quốc Hội về việc thi hành Luật tổ tụng hành chính năm 2015 là chưa đủ căn cứ.

Do đó, chấp nhận kháng cáo của người khởi kiện bà Phạm Thị L. Hủy Quyết định đình chỉ số: 221/2021/QĐST-HC ngày 22/02/2021 của Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh và chuyển hồ sơ cho Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh để tiếp tục giải quyết vụ án theo đúng quy định của pháp luật.

Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao đề nghị giữ nguyên quyết định đình chỉ giải quyết vụ án của Tòa án cấp sơ thẩm là chưa phù hợp với nhận định trên.

[4] Về án phí hành chính phúc thẩm: Do kháng cáo được chấp nhận nên bà Phạm Thị L không phải chịu án phí hành chính phúc thẩm theo luật định.

Căn cứ vào điểm c khoản 5 Điều 243 của Luật tổ tụng hành chính năm 2015;

QUYẾT ĐỊNH:

1. Chấp nhận kháng cáo của người khởi kiện bà Phạm Thị L. Hủy Quyết định đình chỉ giải quyết vụ án hành chính số: 221/2021/QĐST-HC ngày 22/02/2021 của Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh. Chuyển hồ sơ cho Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh để tiếp tục giải quyết vụ án.

2. Về án phí hành chính phúc thẩm: Bà Phạm Thị L không phải chịu án phí hành chính phúc thẩm. Hoàn trả cho bà Phạm Thị L số tiền nộp tạm ứng án phí hành chính phúc thẩm 300.000 đồng (Ba trăm ngàn đồng) theo biên lai thu số

0093955 ngày 16/04/2021 của Cục Thi hành án dân sự Thành phố Hồ Chí Minh.

3. Quyết định phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày ra quyết định./.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân tối cao;
- Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh;
- Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh;
- Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh;
- Cục Thi hành án dân sự Thành phố Hồ Chí Minh;
- Các đương sự;
- Lưu VP, hồ sơ vụ án, PQH.

**TM. HỘI ĐỒNG PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN HỌP**

(đã ký)